

Số: /TTr-UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc xây dựng Nghị quyết quy định hỗ trợ đào tạo nghề
theo đặt hàng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo kết luận số 1048-TB/TU ngày 05/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 502-TB/VPTU ngày 17/8/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị tiếp xúc, đối thoại với cán bộ, công chức, viên chức lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3131/UBND-VP ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông báo 502-TB/VPTU; Công văn số 2080/UBND-VP ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc nâng cao chất lượng triển khai thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

Thực hiện Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 07/02/2023 về thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014; Luật Việc làm năm 2013; Luật Giáo dục năm 2019.

Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới; Chỉ thị số 21-CT/TW

ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”; Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05/4/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

Kế hoạch số 2410/KH-UBND ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Kế hoạch số 3231/KH-UBND ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 07/02/2023 về thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”; Kế hoạch số 1305/KH-UBND ngày 12/5/2022 về thực hiện chương trình chuyên đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Kế hoạch số 1306/KH-UBND ngày 12/5/2022 về thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 2625/KH-UBND ngày 21/7/2023 thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030; Công văn số 1765/UBND-VP ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Công văn số 2080/UBND-VP ngày 05/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về nâng cao chất lượng triển khai thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất

kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

2. Cơ sở thực tiễn

Dân số tỉnh Hải Dương năm 2023 là 2.119.470 người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên khoảng 1.036.420 người. Toàn tỉnh hiện có 8.682 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 375.660 lao động, trong đó lao động phổ thông và đào tạo dưới 03 tháng chiếm tỷ lệ lớn 67,8%.

Tỉnh Hải Dương hiện có 33 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; trong đó có 18 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp đang hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 08 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN, 01 doanh nghiệp, tuyển sinh và đào tạo 219 ngành nghề. Mỗi năm tuyển sinh và đào tạo khoảng 38.000 người.

Dự báo nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp đang hoạt động để mở rộng sản xuất kinh doanh và thay thế lao động hằng năm khoảng 80.000 người, trong đó: đại học và trên đại học 2.200 người, cao đẳng 2.000 người, trung cấp 2.300 người, sơ cấp 3.800 người, lao động phổ thông 69.700 người.

Dự báo nguồn cung lao động hàng năm, có thêm khoảng 37.400 người tham gia vào thị trường lao động, trong đó có khoảng 80-85% (31.800 người) tham gia thị trường lao động chính thức, còn lại tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ cá thể.

Như vậy, trong giai đoạn tới nhu cầu sử dụng lao động đã qua đào tạo trên địa bàn tỉnh tăng cao, cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).

3. Sự cần thiết

Đã có một số chính sách về hỗ trợ kinh phí đào tạo giáo dục nghề nghiệp do Quốc hội, Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành đã ban hành, có 09 chính sách lớn về hỗ trợ đào tạo nghề cho các nhóm đối tượng đặc thù (*Cụ thể theo phụ lục 02 đính kèm*); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 21/02/2011, Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 02/7/2014 và Quyết định số 3718/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 phê duyệt danh mục và mức hỗ trợ đối với các nghề đào tạo cho lao động nông thôn tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, Đề án đã kết thúc từ năm 2020, vì vậy các Quyết định trên không còn hiệu lực. Như vậy, Trung ương mới ban hành chính sách hỗ trợ cho một số đối tượng đặc thù đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trình độ trung cấp, cao đẳng; từ Trung ương đến tỉnh chưa ban hành chính sách hỗ trợ đối với tất cả các đối tượng được đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học trình độ trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Ngày 07/6/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 1584/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu

sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”, để phấn đấu đạt mục tiêu của đề án, cần có chính sách để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động (*đặc biệt nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực công nghiệp, chế biến, chế tạo, các nghề phục vụ cuộc cách mạng 4.0, các ngành, nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp trong tỉnh*).

Dùng ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần chi phí đào tạo đối với người học trong độ tuổi lao động khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đặt hàng đào tạo nhằm thu hút học sinh tham gia học nghề, làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THPT vào học GDNN trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng, tay nghề cao phục vụ các doanh nghiệp, khu công nghiệp.

Việc ban hành chính sách đặc thù của tỉnh quy định hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương là thực sự cần thiết và quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhanh nhất, theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động trong tỉnh hiện nay và những năm tới. Đây cũng là giải pháp thực hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

- Hỗ trợ đào tạo đối với người học trong độ tuổi lao động khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Đối tượng hỗ trợ

2.1. Người trong độ tuổi lao động học trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.2. Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học lên trình độ trung cấp, cao đẳng khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Nguyên tắc thực hiện

a) Hỗ trợ người học trong độ tuổi lao động học trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với tất cả các ngành nghề khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, cao đẳng khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Người học đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo học nghề chỉ được hưởng hỗ trợ một lần theo Nghị quyết này; người học đã được hưởng chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí theo các chính sách khác của Nhà nước ở cùng cấp trình độ đào tạo thì không được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

d) Trường hợp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thu học phí cao hơn hoặc thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện hỗ trợ theo mức quy định tại Nghị quyết này.

e) Thời gian hỗ trợ học nghề là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khóa, nhưng không quá 30 tháng đối với đào tạo trình độ cao đẳng và không quá 20 tháng đối với đào tạo trình độ trung cấp; thời gian hỗ trợ học phí đào tạo các nghề đặc thù tối đa không quá 30 tháng; hỗ trợ theo khóa học đối với đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

f) Người học ký cam kết sau khi tốt nghiệp phải làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã đặt hàng đào tạo tối thiểu 12 tháng.

g) Trường hợp doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh không sử dụng người học sau khi tốt nghiệp nguyên nhân do người học thì không được hỗ trợ đào tạo; nguyên nhân do doanh nghiệp thì doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ học phí cho người học theo mức quy định tại Điều 4; người học ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp khác theo đúng ngành nghề đã học thì được hưởng hỗ trợ học phí từ ngân sách nhà nước theo mức quy định tại Điều 4.

h) Trường hợp người học nghề sau khi tốt nghiệp hoặc đang làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh mà không có nhu cầu làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thì không được hỗ trợ học phí.

i) Trường hợp số lượng hồ sơ người học đăng ký cao hơn số lượng do doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đặt hàng thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ quy chế tuyển sinh của đơn vị để xét tuyển đủ số lượng theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

k) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; người học; cơ sở giáo dục nghề nghiệp ký hợp đồng đặt hàng đào tạo nghề theo quy định.

4. Mức hỗ trợ

4.1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

4.1.1. Mức hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp đối với trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng: bằng 50% mức hỗ trợ tối đa đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và điểm đ Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Cụ thể như sau: Hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/khóa học.

4.1.2. Mức hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với trình độ cao đẳng, trung cấp: bằng 50% mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Cụ thể như sau: Hỗ trợ trung bình từ 664.000 đồng/tháng/người học đến 1.400.000 đồng/tháng/người học (*Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm*).

4.2. Hỗ trợ của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

4.2.1. Mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng: Bằng 30% mức hỗ trợ tối đa đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg và điểm đ Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC.

4.2.2. Mức hỗ trợ đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp: Bằng 30% mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

5. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ

Hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước.

Hỗ trợ từ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh: Trích từ nguồn kinh phí hợp pháp của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và thực hiện chi theo đúng quy định của pháp luật.

Hỗ trợ từ nguồn xã hội hóa theo quy định.

6. Cơ chế thực hiện hỗ trợ

6.1. Hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo theo quy định.

Hàng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ hợp đồng đặt hàng xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Căn cứ dự toán kinh phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương xem xét, quyết định phân kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước.

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ thì Sở Tài chính bố trí ngân sách chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện.

6.2. Hỗ trợ từ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh căn cứ mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này thực hiện chi theo đúng quy định của pháp luật.

7. Dự kiến kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí Nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách này: **139.794.185.000** đồng (*Một trăm ba mươi chín tỷ, bảy trăm chín mươi bốn triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

(Chi tiết theo Phụ lục số 04 dự kiến kinh phí kèm theo).

8. Ưu điểm, hạn chế của chính sách:

8.1. Ưu điểm

8.1. Ưu điểm

Chính sách tạo cơ hội cho học sinh được học nghề, lập nghiệp, có việc làm bền vững. Góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề và tăng năng lực cạnh tranh trong tình hình mới.

Giúp cho các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh giảm bớt khó khăn trong công tác tuyển sinh, chủ động thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm để thu hút người học.

Khuyến khích được học sinh của tỉnh tham gia học nghề gắn với giải quyết việc làm trong thời gian học và khi kết thúc khóa học, phù hợp với việc thu hút đầu tư của tỉnh Hải Dương.

Gắn trách nhiệm, vai trò của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với người học nghề trong suốt quá trình đào tạo.

Đẩy mạnh gắn kết chặt chẽ, có sự ràng buộc (*ký hợp đồng đặt hàng đào tạo, ký hợp đồng cam kết*) giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người học.

8.2. Hạn chế:

Trình tự, thủ tục, cơ chế thực hiện chính sách phức tạp do học sinh, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp phải khảo sát nhu cầu, ký hợp đồng đặt hàng đào tạo, theo dõi, giám sát người học sau quá trình đào tạo, ...; Một doanh nghiệp có thể phải ký hợp đồng đặt hàng đào tạo với nhiều cơ sở giáo dục nghề

ng nghiệp hoặc chỉ đăng ký nhu cầu số lượng ít lao động ở một số ngành, nghề mà chưa đủ điều kiện tổ chức thành 01 lớp học, ...

Thời gian đặt hàng đến khi có sản phẩm sử dụng khá dài, tối thiểu 13 tháng, nên có thể có nhiều thay đổi về cơ cấu việc làm, nhu cầu tuyển dụng ảnh hưởng đến việc tuyển dụng, sử dụng đối tượng này sau khi tốt nghiệp.

Một số các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh không đáp ứng được một số ngành, nghề công nghệ cao khi doanh nghiệp đặt hàng.

Đối tượng được hỗ trợ bao gồm cả học sinh tỉnh ngoài khi đăng ký học các nghề doanh nghiệp đặt hàng đào tạo, vì vậy chưa tập trung vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Khi người học không làm việc tại doanh nghiệp theo đúng cam kết sau khi tốt nghiệp hoặc bỏ học hoặc bị đuổi học, ... thì công tác quản lý, thu hồi tiền hỗ trợ sẽ gặp khó khăn.

Tuyển mới trình độ cao đẳng, trung cấp từ năm thứ 2 thực hiện chính sách sẽ khó hơn do người học được tuyển mới năm học 2025-2026 và năm học 2026-2027 không được hỗ trợ học phí hết khóa học.

Việc xác định chỉ tiêu tuyển dụng của 2 - 3 năm sau tại các công ty để làm cơ sở xác định chỉ tiêu đặt hàng đào tạo rất khó chính xác do thời gian khá dài, đội ngũ có thể biến động bởi nhiều yếu tố sẽ tác động đến việc thay đổi nhu cầu tuyển dụng, sử dụng nguồn lao động.

Chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể về quy trình, thủ tục, điều kiện lựa chọn cơ sở đào tạo để triển khai phương thức đặt hàng đào tạo.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Đối với hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp đối với trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng

Thực hiện từ năm 2025 đến hết năm 2027.

2. Đối với hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với trình độ cao đẳng, trung cấp

Thực hiện từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027.

(Hết 03 năm sẽ tổ chức tổng kết, đánh giá, đề xuất chính sách trong những năm tiếp theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất nhiệm vụ các sở, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức cá nhân, học sinh, sinh viên tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

1. Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền, khuyến khích cụ

thể đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh mới đầu tư trên địa bàn tỉnh đăng ký nhu cầu tuyển dụng lao động, ký hợp đồng đặt hàng đào tạo lao động theo quy định.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các cơ sở, tổ chức, cá nhân chỉ đạo tổ chức thực hiện; Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện cho vay hỗ trợ học phí học nghề theo quy định; Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ học phí học nghề; Hằng năm, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành, địa phương chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông. Chỉ đạo Phòng Giáo dục đào tạo, các trường THPT, THCS phổ biến, tuyên truyền chính sách của tỉnh để nâng cao nhận thức và thu hút học sinh tốt nghiệp THPT, THCS tham gia học nghề.

4. Sở Tài chính tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo quy định được phê duyệt; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ học phí học nghề theo quy định; hướng dẫn sử dụng kinh phí, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí đảm bảo đúng quy định pháp luật.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng, cơ quan chức năng cấp huyện, UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Nhà nước, của tỉnh đối với công tác GDNN; triển khai thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn. Hằng năm, có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền, khuyến khích cụ thể đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố đăng ký nhu cầu tuyển dụng lao động, ký hợp đồng đặt hàng đào tạo lao động theo quy định. Phối hợp với các Sở, ngành chức năng thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách của tỉnh về công tác GDNN tại các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn địa phương quản lý.

6. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Nhà nước, của tỉnh đến toàn thể cán bộ, nhà giáo, người lao động, học sinh, sinh viên tại đơn vị; triển khai thực hiện tốt chính sách của Nhà nước, của tỉnh; hằng năm, lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ của tỉnh gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để thẩm định, tổng hợp dự toán trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước.

7. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tổ chức tuyên truyền chính sách của tỉnh đến toàn thể cán bộ, người lao động tại đơn vị; đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh căn cứ nhu cầu ký hợp đồng đặt hàng đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động bố trí nguồn kinh phí đảm bảo cho việc hỗ trợ kinh phí đào tạo; thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

8. Người học thực hiện tốt các quy định của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thực hiện nghĩa vụ chi trả kinh phí còn lại sau khi được Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hỗ trợ học phí; thực hiện làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sau khi tốt nghiệp như cam kết.

Trên đây là dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

(Xin gửi kèm theo dự thảo các văn bản: Đề cương Nghị quyết HĐND, báo cáo đánh giá tác động của chính sách).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SLĐTBXH ngày /6/2024
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Thực trạng lao động, việc làm và giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

1.1. Về lao động, việc làm, lao động trong doanh nghiệp

Dân số tỉnh Hải Dương năm 2023 là 2.119.470 người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (*dân số hoạt động kinh tế hiện tại*) khoảng 1.036.420 người. Lực lượng lao động có việc làm khoảng 1.021.910 người theo cơ cấu lao động như sau: công nghiệp xây dựng 534.459 người, tỷ lệ 52,3%; dịch vụ 320.879 người, tỷ lệ 31,4% và nông, lâm nghiệp, thủy sản 166.572 người, tỷ lệ 16,3%.

Lực lượng lao động tỉnh ngoài làm việc tại Hải Dương là: 63.420 người (*tính đến hết quý 3/2023*).

Toàn tỉnh hiện có 19.394 doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh. Năm 2023, toàn tỉnh có 8.682 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 375.660 lao động (*gồm 12 doanh nghiệp nhà nước, 8.280 doanh nghiệp ngoài nhà nước và 390 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*). Trong đó:

- Trong khu công nghiệp có 257 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 101.000 lao động. Ngoài khu công nghiệp có 8.425 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 274.660 lao động.

- Theo địa giới hành chính: Thành phố Hải Dương: 3.746 doanh nghiệp, sử dụng 129.218 lao động; thành phố Chí Linh: 548 doanh nghiệp, sử dụng 21.208 lao động; huyện Nam Sách: 469 doanh nghiệp, sử dụng 12.572 lao động; thị xã Kinh Môn: 770 doanh nghiệp, sử dụng 26.952 lao động; huyện Kim Thành: 481 doanh nghiệp, sử dụng 23.634 lao động; huyện Thanh Hà: 268 doanh nghiệp, sử dụng 13.031 lao động; huyện Cẩm Giàng: 788 doanh nghiệp, sử dụng 69.477 lao động; huyện Bình Giang: 424 doanh nghiệp, sử dụng 13.148 lao động; huyện Gia Lộc: 261 doanh nghiệp, sử dụng 10.516 lao động; huyện Tứ Kỳ: 453 doanh nghiệp, sử dụng 28.164 lao động; huyện Ninh Giang: 195 doanh nghiệp, sử dụng 9.071 lao động; huyện Thanh Miện: 279 doanh nghiệp, sử dụng 18.669 lao động.

- Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp theo giới tính, tỷ lệ lao động nữ chiếm 57,4% (*215.798 lao động nữ/tổng số 375.660 lao động*); lao động nam chiếm 42,6%.

- Theo trình độ chuyên môn, số người có trình độ đại học và trên đại học năm 2023 là 40.956 người, chiếm 10,9% tổng số lao động; cao đẳng: 21.945 người, chiếm 5,84%; trung cấp: 19.405 người, chiếm 5,17%; sơ cấp: 38.657 người, chiếm 10,29%; lao động phổ thông: 254.697 người, chiếm 67,8%.

- Theo ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 41 doanh nghiệp sử dụng 1.969 lao động.

+ Công nghiệp, xây dựng: 3.667 doanh nghiệp, sử dụng 321.571 lao động, trong đó tập trung nhiều trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (2.471 doanh nghiệp, sử dụng 291.882 lao động-đạt tỷ lệ 28,5% về số doanh nghiệp đang hoạt động và 77,7% lực lượng lao động trong các doanh nghiệp). Trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo một số ngành sử dụng nhiều lao động, đó là: doanh nghiệp hoạt động về sản xuất trang phục (*dệt may, da giày*): 400 doanh nghiệp, sử dụng 88.758 lao động (*riêng lao động nữ là 73.146, chiếm tỷ lệ 82,4%*); doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử (*71 doanh nghiệp, sử dụng 36.139 lao động*); doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo khác (*74 doanh nghiệp, sử dụng 26.261 lao động*), ...

+ Dịch vụ: 4.974 doanh nghiệp, sử dụng 52.120 lao động, trong đó tập trung các ngành chính như: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy: 3.071 doanh nghiệp, sử dụng 22.901 lao động; vận tải, kho bãi: 654 doanh nghiệp, sử dụng 9.626 lao động, ...

Đánh giá chung: Năm 2024, lực lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp có xu hướng tăng. Tính đến 30/4/2024, tổng số lao động làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khoảng 382.500 người (*tăng khoảng 7.000 lao động so với năm 2023*), lao động làm việc trong khu công nghiệp là 105.326 người (*tăng 4.326 lao động*).

Lao động trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng cao về chất lượng, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cập chứng chỉ tăng từ 26,5% năm 2020 lên 32,5% năm 2023. Số lượng lao động làm việc trong các ngành dệt may, da giày, điện tử, ... chiếm tỷ lệ cao. Theo đánh giá của các doanh nghiệp: 68,5% người lao động đáp ứng tốt về năng lực chuyên môn; tỷ lệ lao động đáp ứng rất tốt là 8,6%, tỷ lệ lao động đáp ứng ở mức độ trung bình là 22,9%. Thái độ làm việc của người lao động được doanh nghiệp đánh giá ở mức độ tốt là 64,6%, mức độ rất tốt là 16,8%, mức độ trung bình là 18,6%.

Đến nay, tỷ lệ lao động làm việc trong các doanh nghiệp chiếm khoảng 39% lực lượng lao động, như vậy còn một lượng lớn lao động đang làm việc ở khu vực phi chính thức. Mặt khác, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp đa phần trong độ tuổi từ 25 đến 49 (*chiếm 75,7%*), số lao động trên 50 tuổi chỉ chiếm khoảng 10,7% trong khi tổng số người lao động từ 50 tuổi trở lên trong lực lượng lao động của tỉnh là 228.500 người (*chiếm 24,3%*). Vì vậy, có thể thấy lao động trong doanh nghiệp là lao động trẻ.

1.2. Về giáo dục nghề nghiệp

Tỉnh Hải Dương hiện có 33 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 08 trường cao đẳng, 03 trường

trung cấp, 09 trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 12 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 01 doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trong đó:

- Có 18 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp đang hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 08 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN, 01 doanh nghiệp.

- Khối công lập có 22 cơ sở gồm: 07 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp, 02 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, 12 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Khối tư thực có 11 cơ sở gồm: 01 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN và 01 doanh nghiệp.

- Chia theo địa giới hành chính: Thành phố Hải Dương có 12 cơ sở, thành phố Chí Linh có 05 cơ sở, huyện Nam Sách có 03 cơ sở, thị xã Kinh Môn có 01 cơ sở, huyện Kim Thành có 03 cơ sở, huyện Thanh Hà có 01 cơ sở, huyện Cẩm Giàng có 02 cơ sở, huyện Bình Giang có 01 cơ sở, huyện Gia Lộc có 01 cơ sở, huyện Tứ Kỳ 01 cơ sở, huyện Ninh Giang có 01 cơ sở, huyện Thanh Miện có 02 cơ sở. Như vậy, số lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phần lớn tập trung tại thành phố Hải Dương, thành phố Chí Linh và một số huyện gần thành phố Hải Dương.

- Ngành nghề tuyển sinh: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được phép tuyển sinh, đào tạo 42 nghề trình độ cao đẳng, 75 nghề trình độ trung cấp, 102 nghề trình độ sơ cấp. Trong đó, 08 trường cao đẳng, trung cấp công lập được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lựa chọn thực hiện đầu tư các ngành, nghề trọng điểm gồm 12 nghề cấp quốc gia, 09 nghề cấp độ khu vực ASEAN và 07 nghề cấp quốc tế.

- Về quy mô tuyển sinh và đào tạo:

- + Đối với đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: Hiện tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề hoạt động trên địa bàn tỉnh đáp ứng được quy mô tuyển sinh và đào tạo là 3.100 sinh viên hệ cao đẳng/năm và trên 6.300 học sinh hệ trung cấp/năm. Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển mới giáo dục nghề nghiệp được 114.593 học sinh, sinh viên, trong đó trình độ cao đẳng và trung cấp đạt 15.792 học sinh, sinh viên, tập trung một số nhóm ngành, nghề đào tạo như sau: nhóm ngành, nghề khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh: 240 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề kỹ thuật và công nghệ thông tin đạt 6.624 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề sản xuất, chế biến và xây dựng đạt 1.283 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề sức khỏe đạt 1.876; nhóm ngành, nghề dịch vụ, du lịch và môi trường đạt 401 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề khác đạt 5.368 học sinh, sinh viên. Năm 2022, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 5.544 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương là

4.594 người, ngoài tỉnh là 950 người; Năm 2023, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 3.912 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương là 3.239 người (*chiếm 82,8%*), ngoài tỉnh là 673 người (*chiếm 17,2%*).

+ Đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng:

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển mới trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng đạt 98.801 học viên, trong đó năm 2022: 33.371 học viên, năm 2023: 34.494 học viên, tập trung một số nhóm ngành, nghề đào tạo lái xe, điện công nghiệp, hàn, vận hành: máy xúc, máy ủi, máy lu, cần trục, cầu trục, thiết bị áp lực,... chủ yếu là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương.

- Năm 2022, số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh là 19.709 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 28.985 người, trong đó số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học lên trình độ cao đẳng, trung cấp là 2.665 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tại các Trung tâm GDNN GDTX học nghề song song với học văn hóa: 6.763 người; Năm 2023, số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh là 21.331 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 28.035 người, trong đó số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học lên trình độ cao đẳng, trung cấp là 2.950 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tại các Trung tâm GDNN GDTX học nghề song song với học văn hóa: 6.146 người.

- Về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 1.633 cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, trong đó, số nhà giáo có trình độ trên đại học là 546 người, trình độ đại học là 676 người, trình độ cao đẳng và trung cấp là 260 người và khác là 151 người. Đội ngũ nhà giáo cơ bản đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đáp ứng được theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu. Trường Cao đẳng nghề Hải Dương được lựa chọn đầu tư trở thành trường chất lượng cao, được hỗ trợ đầu tư 70 tỷ đồng để cải tạo, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo. Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Dương được hỗ trợ đầu tư 41,2 tỷ đồng để xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất của trường.

- Về nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo: 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã xây dựng chương trình đào tạo chuẩn theo từng cấp trình độ, thường xuyên cập nhật, đổi mới theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã mời các doanh nghiệp, người sử dụng lao động tham gia xây dựng chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học, ... để phù hợp khi tham gia quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

Đánh giá chung: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực về nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; chất lượng đội ngũ nhà giáo được nâng cao đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của phát triển kinh tế, xã hội. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới chỉ đào tạo theo nguồn “cung” có sẵn, chưa đáp ứng đào tạo theo kịp “cầu” của thị trường lao động.

2. Dự báo nhu cầu sử dụng lao động trong doanh nghiệp

Đối với các doanh nghiệp, cơ sở đang sản xuất kinh doanh: Dự báo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp đang hoạt động để mở rộng sản xuất kinh doanh và thay thế lao động hằng năm khoảng 80.000 người, trong đó: đại học và trên đại học 2.200 người, cao đẳng 2.000 người, trung cấp 2.300 người, sơ cấp 3.800 người, lao động phổ thông 69.700 người.

Đối với các dự án đầu tư mới:

Đến 2025, diện tích đất cho thuê các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ước đạt 2.415 ha (*tăng thêm 733 ha so với năm 2021*). Nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp là 291.300 người; tăng thêm 86.297 người. Trong đó, đại học và trên đại học 2.316 người, cao đẳng 1.921 người, trung cấp 2.126 người, sơ cấp 5.058 người, lao động phổ thông 74.876 người.

Đến năm 2030, diện tích đất cho thuê ước đạt 4.241 ha (*tăng thêm 1.825 ha so với năm 2025*). Nhu cầu lao động cho các khu, cụm công nghiệp là 466.100 người; tăng thêm 174.846 người so với năm 2025. Trong đó, đại học và trên đại học 6.341 người, cao đẳng 3.878 người, trung cấp 11.071 người, sơ cấp 21.574 người, lao động phổ thông 131.982 người.

Nhu cầu sử dụng lao động theo ngành nghề: Thực hiện Đề án “Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”, giai đoạn tới, tỉnh Hải Dương ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, doanh nghiệp lắp ráp lớn để dẫn dắt phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, làm nền tảng bước đầu tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong đó: Đối với công nghiệp hỗ trợ: ưu tiên thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất một số ngành, nghề như: các loại khuôn mẫu có độ chính xác cao; các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, rô-bốt công nghiệp; các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị điều khiển; cảm biến các loại; các loại động cơ thế hệ mới, ... Đối với công nghiệp công nghệ cao: ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, các doanh nghiệp lắp

ráp lớn mang lại giá trị kinh tế cao, như: công nghệ rô-bốt, vật liệu tiên tiến, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, dữ liệu lớn, chuỗi khối, ...

3. Dự báo nguồn cung lao động

Đến năm 2025 dự báo lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 1.064.335 người. Trong đó trình độ đại học và trên đại học: 142.734 người, cao đẳng: 57.565 người, trung cấp: 69.904 người, sơ cấp: 81.663 người, lao động phổ thông: 712.469 người.

Đến năm 2030 dự báo lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 1.085.804 người. Trong đó trình độ đại học và trên đại học: 177.252 người, cao đẳng: 70.466 người, trung cấp: 111.052 người, sơ cấp: 109.158 người và lao động phổ thông: 617.876 người.

Hằng năm, có thêm khoảng 37.400 người tham gia vào thị trường lao động (*bao gồm: 30.000 người đến tuổi lao động, khoảng 5.000 người đi làm việc tại nước ngoài hết hạn hợp đồng trở về, khoảng 2.400 bộ đội xuất ngũ*); trong đó có khoảng 80-85% (31.800 người) tham gia thị trường lao động chính thức, còn lại tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ cá thể.

Giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn đến năm 2030, lực lượng lao động vẫn tập trung đông tại các huyện, thị xã, thành phố có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển; tăng thêm ở các huyện, thị đang có nhiều dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang được triển khai như Nam Sách, Gia Lộc, Kim Thành, Thanh Hà, Thanh Miện.

4. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân của công tác giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, do các nguyên nhân và khó khăn, hạn chế như sau:

- Nhận thức của người dân đối với công tác giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, đa số muốn con em học đại học, không muốn học nghề. Các trường đại học được thành lập nhiều, điểm chuẩn đầu vào đại học thấp nên số lượng các thí sinh có nguyện vọng đi học giáo dục nghề nghiệp tại các trường cao đẳng, trung cấp thấp.

- Chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới chỉ đào tạo theo nguồn “cung” có sẵn, chưa đáp ứng đào tạo theo kịp “cầu” của thị trường lao động. Vì vậy, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh không tạo được sức hút đối với người học.

- Trang thiết bị phục vụ cho việc giáo dục nghề nghiệp còn thiếu và lạc hậu, nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị cũ,

lạc hậu chưa theo kịp sự phát triển công nghệ và thiết bị máy móc mới của các doanh nghiệp, do vậy người học sau khi tốt nghiệp vào làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

- Công tác tuyển sinh ở một số cơ sở GDNN còn nhiều khó khăn, không tuyển đủ quy mô, chỉ tiêu.

- Hiện nay, các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhiều lao động chủ yếu là doanh nghiệp thuộc ngành nghề dệt, may, da giày, điện tử. Các doanh nghiệp này phần lớn tuyển lao động phổ thông vào đào tạo một thời gian ngắn rồi ký hợp đồng lao động. Các doanh nghiệp có xu hướng tự thực hiện đào tạo nghề nghiệp cho lao động hơn là hợp tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nghề, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp chưa đạt hiệu quả theo mục tiêu kế hoạch của tỉnh.

- Chưa có chính sách khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động đã qua đào tạo; chưa tạo được cơ chế phối hợp chặt chẽ bốn bên trong công tác giáo dục nghề nghiệp giữa nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và người học.